

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày 15-8-2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Phụng.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST - DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Thu H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Triệu Du Long; Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người phiên dịch: Ông Trà Trường G.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2023 cũng như tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đào Thị Thu H trình bày:

Ngày 10/12/2012, bà H có nhận cầm cố của ông Thạch H và bà Đào Thị S một phần đất ruộng có diện tích: 13.617,4m², thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 791991, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 06/02/2012 do bà Đào Thị S đứng tên. Bà H liên tục canh tác trên phần đất này kể từ ngày nhận cầm cố từ ngày 10/12/2012 cho đến nay. Vụ mùa tháng 4/2022 đến tháng 8/2022 là đến thời điểm thu hoạch lúa. Ngày 27/8/2022 là đến ngày bà thu hoạch lúa. Tuy nhiên, khoảng 13 giờ ngày 27/8/2022 bà Trần Thị Ngọc H là người trúng đấu giá đối với phần đất trên mà ông Thạch H, bà Đào Thị S là người có nghĩa vụ thi hành án bản án của Tòa án nhân dân huyện Long Phú trong một vụ án khác mà bà Đào Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nhận cố phần đất này) đã tự đưa máy cắt lúa và bao đựng lúa đến tại phần đất nói trên thu hoạch lúa mặc dù lúa này là do bà canh tác và chuẩn bị thu hoạch. Bà H ước tính mỗi công lúa thu hoạch khoảng 700 kg, giá lúa bán ngày 27/8/2022 là 5.700 đồng/kg. Tổng số tiền bán lúa ước tính cho mùa vụ này là 54.331.830 (năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi đồng), cụ thể: $700\text{kg}/1.000\text{m}^2 \times 13.617,4\text{m}^2 \times 5.700 \text{ đồng/kg} = 54.331.830$ (năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi) đồng. Mặc dù bà đã đứng ra ngăn cản nhưng bà Trần Thị Ngọc H vẫn cho thu hoạch và lấy lúa của bà làm thiệt hại về tài sản của bà Đào Thị Thu H.

Bà H xác định phần lúa thu hoạch này, bà có nhận tiền mua bán lúa từ ông Trần Thanh M, địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 38.799.900 đồng. (Ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm đồng). Nhưng thực tế lúa của bà hôm đó thu hoạch được bao nhiêu thì bà không rõ, do bà Trần Thị Ngọc H cho người cắt lúa của bà. Theo như những vụ bà làm trước đây, bà ước tính vụ này phải thu hoạch được khoảng 700 kg, giá lúa bán ngày 27/8/2022 là 5.700 đồng/kg. Tổng số tiền bán lúa ước tính cho mùa vụ này, cụ thể: $700\text{kg}/1.000\text{m}^2 \times 13.617,4\text{m}^2 \times 5.700 \text{ đồng/kg} = 54.331.830$ (năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi) đồng và tiền lãi từ 08/2022 theo như bà trình bày trong đơn khởi kiện với lãi suất 1%/tháng, tổng cộng số tiền 56.331.830 (năm mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi đồng) đồng. Nhưng bà H chỉ bán được số tiền 38.799.900 đồng. (Ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm đồng)

Tại phiên tòa, bà Đào Thị Thu H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà chỉ yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H trả lại bà số tiền (56.331.830 đồng – 38.799.900 đồng) = 17.731.930 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, chín trăm ba mươi đồng) tiền bán lúa dư của bà và bà không yêu cầu tính lãi trên số tiền 17.731.930 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, chín trăm ba mươi đồng). Bà không có chứng cứ chứng minh phần đất này thu hoạch được 700kg/công. Bà chỉ ước chừng theo như mỗi vụ bà làm.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt lập ngày 08/6/2023, bị đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Trong vụ án này, bà không có yêu cầu phản tố. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thu H bà không đồng ý. Vì phần bà H yêu cầu bồi thường giá trị thiệt hại khoảng 700 kg lúa/công là sai sự thật. Sự việc giữa bà Đào Thị Thu H (bên bán) và ông Trần Thanh M (bên mua) tự thỏa thuận mua bán thì bà không biết. Đối với phần mua bán này, Ông M cho biết là đã mua bán với Bà Thu H số lượng thu hoạch vào ngày 28/8/2022 trên thửa đất 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số lượng 129 bao lúa, có tổng trọng lượng là 6807 kg. Bà Thu H cho rằng bà là người cho máy vào cắt, thì bà xin trình bày rõ hơn, do phần đất này bà trúng đấu giá, mặc dù đã có thông báo của các cơ quan chức năng, nhưng bà Đào Thị Thu H vào canh tác trên phần đất của bà. Bà vẫn cho bà H làm hết hai vụ lúa. Đến vụ lúa này, thì bên cắt lúa họ nói “ai chủ đất cho cắt lúa, thì mới dám cắt”, do đất này tôi đã được cấp giấy, nên tôi mới cho phía bà Thu H cắt lúa. Khi cắt xong, thì mang lúa xuống cân đo, có sự chứng kiến của các bên. Tiền mua bán lúa bà Thu H đã nhận từ Ông M, số lượng bao nhiêu thì hai bên mua bán nắm rõ. Do đó việc Bà Thu H cho rằng tiền thu hoạch lúa vụ này là 56.331.830 đồng (năm mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi đồng) là không có căn cứ, và cho rằng bà lấy phần bán lúa dư 17.731.930 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, chín trăm ba mươi đồng) là không đúng sự thật. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Thu H. Phần đất tranh chấp này, sau khi bà Thu H thu hoạch lúa, thì hiện nay bà đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc H.

[2] Theo đơn khởi kiện bà Đào Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc H phải bồi thường thiệt hại cho bà Đào Thị Thu H số

tiền 54.331.830 (năm mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi) đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền theo lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ khi nộp đơn đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 17.731.930 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, chín trăm ba mươi đồng) tiền bán lúa dư của bà và bà không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn phải trả số tiền chênh lệch của việc bán lúa dư là (56.331.830 đồng – 38.799.900 đồng) = 17.731.930 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, chín trăm ba mươi đồng)

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận có nhận tiền mua bán lúa từ ông Trần Thanh M, địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 38.799.900 đồng. (Ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm đồng). Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 03/6/2023 đại diện Ban nhân dân Ấp K, thị trấn L, tỉnh Sóc Trăng cũng xác nhận bà Đào Thị Thu H đã bán lúa cho ông Trần Thanh M số lượng lúa là 6.807 kg, giá lúa bán 5.700 kg với số tiền là 38.799.900 đồng. (Ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm đồng). Căn cứ Điều 92, đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định nguyên đơn có nhận tiền bán lúa của Ông M với số tiền 38.799.900 đồng. (Ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm đồng). Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện việc bị đơn có hành vi tự ý thu hoạch lúa của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ thể hiện có thiệt hại thực tế xảy ra do hành vi của bị đơn. Nguyên đơn chỉ ước tính thông thường mỗi vụ sẽ thu hoạch 700kg lúa/công, từ đó yêu cầu phía bị đơn bồi thường thiệt hại từ chênh lệch sản lượng thu hoạch ước chừng và sản lượng thực tế thu hoạch được.

[5] Theo quy định tại Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015 và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Điều 2. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 584 của Bộ luật Dân sự

1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau đây:

a) Có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác;

b) Có thiệt hại xảy ra là thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần;

Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được của chủ thể bị xâm phạm, bao gồm tổn thất về tài sản mà không khắc phục được; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút do tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp khác bị xâm phạm.

Thiệt hại về tinh thần là tổn thất tinh thần do bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác mà chủ thể bị xâm phạm hoặc người thân thích của họ phải chịu và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất đó.

c) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại.

[6] Đối chiếu với quy định trên, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận phát biểu của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí. Tuy nhiên nguyên đơn thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Thu H về việc buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đào Thị Thu H số tiền 17.731.930 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, chín trăm ba mươi đồng).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn thuộc trường hợp không phải chịu án phí. Bị đơn không phải chịu án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà